

KẾT QUẢ KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 - NĂM 2017
MÔN: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP
(Ngày thi: 18/07/2017)

TT	MSHS	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	NGÀNH	GHI CHÚ
1	153019832	Võ Thị Kim	Búp	05/11/1991	7.5	Bảy năm	KT	
2	250804194	Trịnh Thế	Dương	05/04/1988	5.0	Năm	KT	
3	152019823	Bùi Ngọc	Duy	13/04/1995	8.0	Tám	KT	
4	334392724	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	1987	6.5	Sáu năm	KT	
5	152019831	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13/05/1996	5.0	Năm	KT	
6	152019824	Bùi Thị	Hồng	08/04/1987	5.0	Năm	KT	
7	151019841	Vũ Thị	Huệ	22/02/1995	6.5	Sáu năm	KT	
8	111082811	Nguyễn Tấn	Khang	01/11/1996	5.0	Năm	KT	
9	221246268	Nguyễn Thị	Lại	20/07/1989	8.0	Tám	KT	
10	153019836	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	02/04/1993	7.0	Bảy	KT	
11	141010892	Mạc Thị Trúc	Mai	08/06/1995	5.0	Năm	KT	
12	152019825	Lê Phạm Kim	Ngân	01/03/1982	5.0	Năm	KT	
13	25493114	Phan Trần	Phú	27/04/1997	5.0	Năm	KT	
14	334847334	Nguyễn Chí	Tâm	03/12/1995	5.0	Năm	KT	
15	264324016	Trần Thị Thanh	Tâm	14/04/1991	9.0	Chín	KT	
16	153019837	Trương Thị Anh	Thi	29/07/1993	9.0	Chín	KT	
17	1197006997	Nguyễn Hồng	Thơm	15/12/1997	8.5	Tám năm	KT	
18	131042551	Triệu Ngọc Anh	Thư	07/02/1993	5.0	Năm	KT	
19	153019833	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	04/03/1978	8.5	Tám năm	KT	
20	152103134	Nguyễn Kim Hồng	Thủy	04/03/1990	8.0	Tám	KT	
21	152019829	Lưu Mỹ	Tinh	10/11/1981	8.0	Tám	KT	
22	151019826	Nguyễn Thị Thu	Trang	06/08/1994	8.0	Tám	KT	
23	151019834	Vũ Thị Ngọc	Tuyền	20/07/1974	8.0	Tám	KT	
24	121047944	Nguyễn Tăng Minh	Phúc	16/05/1997	5.0	Năm	NHKS	Thi lại
25	141180913	Mã Thị Thúy	An	25/09/1997	3.5	Ba năm	SPMN	
26	25162547	Nguyễn Thị Thu	An	10/10/1994	7.0	Bảy	SPMN	
27	25497870	Diệp Hoàng	Anh	03/12/1996	8.5	Tám năm	SPMN	
28	24776865	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	11/11/1983	6.5	Sáu năm	SPMN	
29	261412241	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	02/09/1997	6.5	Sáu năm	SPMN	
30	1511810016	Nguyễn Thị Huyền	Anh	26/07/1994	8.5	Tám năm	SPMN	
31	153189989	Trương Quý	Anh	10/12/1977	7.5	Bảy năm	SPMN	
32	261378769	Võ Thị Kim	Anh	25/08/1996	8.5	Tám năm	SPMN	
33	212301023	Phạm Thị Thanh	Ba	16/11/1986	8.0	Tám	SPMN	

TT	MSHS	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	NGÀNH	GHI CHÚ
34	186880101	Nguyễn Thị	Bé	08/02/1988	8.0	Tám	SPMN	
35	250940284	Ka	Bes	15/02/1994	9.0	Chín	SPMN	
36	241517274	Hồ Thị Ngọc	Bích	05/11/1995	5.5	Năm năm	SPMN	
37	183660734	Lê Thị	Ca	01/06/1988	8.5	Tám năm	SPMN	
38	151189966	Bạch Bảo	Châu	01/10/1996	5.0	Năm	SPMN	
39	121040281	Đặng Hà Phương	Châu	18/08/1989	7.0	Bảy	SPMN	
40	141181721	Lưu Thị Minh	Châu	08/05/1993	6.0	Sáu	SPMN	
41	264478775	Nguyễn Thụy Thanh	Châu	31/05/1996	6.5	Sáu năm	SPMN	
42	273622216	Ninh Thị Minh	Châu	15/07/1995	7.0	Bảy	SPMN	
43	1511810011	Trương Thị Hoài Minh	Châu	23/07/1981	6.5	Sáu năm	SPMN	
44	251076412	Bùi Thị Kim	Chi	26/01/1997	1.5	Một năm	SPMN	
45	153188866	Đặng Thị Cẩm	Chi	14/12/1992	9.0	Chín	SPMN	
46	151189970	Nguyễn Thị Minh	Chi	10/08/1995	7.5	Bảy năm	SPMN	
47	331500679	Đặng Hồng	Cúc	26/12/1987	8.5	Tám năm	SPMN	
48	1511810015	Lê Thị Trúc	Đào	02/03/1995	9.0	Chín	SPMN	
49	1511810019	Lê Thị Trúc	Đào	10/02/1996	8.5	Tám năm	SPMN	
50	25644736	Nguyễn Thị Anh	Đào	04/07/1997	3.0	Ba	SPMN	
51	281113512	Nguyễn Trần Thị Trúc	Đào	08/12/1995	8.0	Tám	SPMN	
52	215331040	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	11/07/1997	6.0	Sáu	SPMN	
53	1511810018	Đỗ Ngọc	Diệu	30/01/1990	9.0	Chín	SPMN	
54	251021429	Mai Thị Thanh	Diệu	06/07/1996	6.0	Sáu	SPMN	
55	231244114	Bùi Thị	Duyên	07/07/1997	10.0	Mười	SPMN	
56	153188871	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04/03/1994	7.5	Bảy năm	SPMN	
57	152189994	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/11/1997	1.5	Một năm	SPMN	
58	152188877	H' YôL	Ê Ban	09/10/1995	6.0	Sáu	SPMN	
59	1511810010	Phan Thị Hồng Ngân	Em	15/07/1989	5.5	Năm năm	SPMN	
60	221448018	Trần Thị Hồng	Gám	01/04/1997	5.0	Năm	SPMN	
61	152189987	Huỳnh Thị Hà	Giang	18/09/1999	5.0	Năm	SPMN	
62	273670699	Nguyễn Lệ	Giang	04/07/1996	6.5	Sáu năm	SPMN	
63	261392836	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	01/10/1997	5.0	Năm	SPMN	
64	141181122	Lê Thanh Thiên	Hà	07/08/1995	5.0	Năm	SPMN	Thi lại
65	152189995	Nguyễn Thanh	Hà	11/11/1997	5.0	Năm	SPMN	
66	215331020	Phạm Thị Lệ	Hà	13/04/1997	7.5	Bảy năm	SPMN	
67	141180234	Lê Văn	Hải	10/10/1980	6.5	Sáu năm	SPMN	
68	186996174	Nguyễn Thị	Hải	14/10/1989	7.5	Bảy năm	SPMN	
69	197302033	Trần Thị	Hải	03/08/1995	6.0	Sáu	SPMN	
70	331723339	Trần Thị Ngọc	Hân	08/02/1994	6.5	Sáu năm	SPMN	
71	17492096	Nguyễn Thanh	Hằng	11/02/1997	0.5	Không năm	SPMN	
72	151188851	Trần Thị Thu	Hằng	12/10/1993	6.5	Sáu năm	SPMN	

TT	MSHS	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	NGÀNH	GHI CHÚ
73	131181668	Quảng Thị	Hạng	26/11/1994	6.0	Sáu	SPMN	
74	245029865	Trần Thị	Hạt	29/07/1989	6.0	Sáu	SPMN	
75	231066824	Lê Thị Minh	Hậu	03/09/1995	5.0	Năm	SPMN	
76	2330690774	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	14/02/1984	7.0	Bảy	SPMN	
77	24912418	Phạm Thu	Hiền	24/10/1978	8.5	Tám năm	SPMN	
78	281115792	Nguyễn Thị Hồng	Hiếu	11/09/1996	5.0	Năm	SPMN	
79	261500169	Trịnh Thị	Hiếu	18/04/1997	5.0	Năm	SPMN	
80	151189965	Trương Thị Thu	Hiếu	10/10/1996	9.5	Chín năm	SPMN	
81	1511810013	Vũ Thị	Hoa	22/02/1995	7.0	Bảy	SPMN	
82	151188847	Trương Thị	Hòa	10/01/1996	7.0	Bảy	SPMN	
83	153189979	Đặng Thị Thu	Hoài	10/11/1984	7.0	Bảy	SPMN	
84	183653038	Trần Thị	Hoài	01/01/1991	5.0	Năm	SPMN	
85	250990970	Ka N	Hoàn	30/12/1995	8.5	Tám năm	SPMN	
86	264467023	Hán Thị Kim	Huệ	09/06/1995	8.0	Tám	SPMN	
87	132300700	Nguyễn Thị	Huệ	08/10/1997	5.0	Năm	SPMN	
88	151188845	Danh Thị Thu	Hương	05/05/1996	7.0	Bảy	SPMN	
89	111023760	Đỗ Thị	Hương	05/10/1989	3.0	Ba	SPMN	
90	1511810020	Nguyễn Thị	Hương	06/08/1994	5.5	Năm năm	SPMN	
91	251023213	Nguyễn Thị	Hương	22/08/1995	7.0	Bảy	SPMN	
92	1511810005	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/05/1996	8.5	Tám năm	SPMN	
93	141180964	Trần Ngọc	Hương	06/08/1997	5.0	Năm	SPMN	
94	141180821	Trần Thị	Hương	30/03/1994	5.0	Năm	SPMN	
95	1511810025	Trần Thị	Hương	03/11/1990	5.5	Năm năm	SPMN	
96	251021753	Đỗ Thị	Huyền	26/05/1996	9.0	Chín	SPMN	
97	151189962	Phan Thị	Huyền	21/04/1996	6.5	Sáu năm	SPMN	
98	24148179	Phan Thị Ngọc	Huỳnh	18/09/1986	8.5	Tám năm	SPMN	
99	141180463	Nguyễn Thị	Ít	22/10/1990	10.0	Mười	SPMN	
100	381760354	Nguyễn Tuyết	Kha	10/11/1994	5.0	Năm	SPMN	
101	301597086	Huỳnh Thị Yến	Khoa	13/08/1997	7.0	Bảy	SPMN	
102	261323898	Nguyễn Thị Thanh	Khuyên	01/03/1995	8.0	Tám	SPMN	
103	184132311	Nguyễn Thị	Lam	04/11/1996	8.0	Tám	SPMN	
104	334930542	Thạch Thị Cô	Láp	09/02/1993	7.5	Bảy năm	SPMN	
105	141188755	Phạm Thị	Lê	20/10/1991	5.0	Năm	SPMN	
106	141180465	Trần Thị Khánh	Li	21/12/1993	6.5	Sáu năm	SPMN	
107	151189999	Vũ Thị Kiều	Liên	06/03/1996	5.5	Năm năm	SPMN	
108	153188870	Đặng Thị	Linh	16/11/1996	7.5	Bảy năm	SPMN	
109	25064996	Huỳnh Mai	Linh	21/01/1982	7.0	Bảy	SPMN	
110	152189941	Nguyễn Thị	Linh	04/02/1994	7.5	Bảy năm	SPMN	
111	153189982	Trần Gia	Linh	18/12/1996	7.5	Bảy năm	SPMN	

TT	MSHS	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	NGÀNH	GHI CHÚ
112	241452041	Triệu Thị	Linh	08/03/1995	8.0	Tám	SPMN	
113	301604392	Trương Thị Mỹ	Linh	16/01/1997	Vắng		SPMN	Vắng
114	141181663	Nguyễn Thị Hồng	Loan	28/12/1994	6.5	Sáu năm	SPMN	Thi lại
115	212698104	Tạ Thị Kim	Luyến	10/10/1991	7.5	Bảy năm	SPMN	
116	212482498	Đỗ Thị	Lý	15/07/1997	5.0	Năm	SPMN	
117	1511810008	Nguyễn Thị	Lý	10/05/1996	8.5	Tám năm	SPMN	
118	281164360	Lê Thị	Mai	17/07/1996	3.5	Ba năm	SPMN	
119	141180174	Nguyễn Ngọc	Mai	30/10/1993	7.5	Bảy năm	SPMN	
120	273488965	Nguyễn Thị	Mai	10/10/1994	7.0	Bảy	SPMN	
121	239511869	Phạm Thị Ngọc	Mai	25/11/1987	8.5	Tám năm	SPMN	
122	366219353	Lâm Thị Diễm	My	06/04/1996	7.0	Bảy	SPMN	
123	25634814	Lê Nguyễn Trà	My	03/11/1997	8.0	Tám	SPMN	
124	371862610	Lê Thị Diễm	My	19/06/1997	2.5	Hai năm	SPMN	
125	163393610	Lê Thị Trà	My	05/12/1996	6.5	Sáu năm	SPMN	
126	1511810001	Phan Thị Diễm	My	27/02/1996	7.0	Bảy	SPMN	
127	212713878	Lý Thị	Nga	27/09/1997	5.0	Năm	SPMN	
128	153189983	Hồ Thị Kim	Ngân	10/10/1993	8.5	Tám năm	SPMN	
129	24036883	Lưu Thanh Kim	Ngân	17/08/1987	7.0	Bảy	SPMN	
130	261411085	Lê Thị Hồng	Ngọc	27/09/1997	8.5	Tám năm	SPMN	
131	153031640	Nguyễn Thị	Ngọc	25/05/1996	7.5	Bảy năm	SPMN	
132	215422843	Nguyễn Thị	Ngọc	25/07/1997	5.0	Năm	SPMN	
133	334820901	Vương Thị Tú	Ngọc	08/07/1996	4.0	Bốn	SPMN	
134	312271638	Ngô Thị Thanh	Nguyên	02/05/1996	9.0	Chín	SPMN	
135	151189960	Phạm Thị Như	Nguyệt	01/05/1991	7.0	Bảy	SPMN	
136	152188842	Bùi Thị Hồng Anh	Nhi	27/06/1995	9.0	Chín	SPMN	
137	153189988	Huỳnh Thị Trúc	Nhi	04/06/1995	8.0	Tám	SPMN	
138	152189944	Lê Hồng	Nhi	12/09/1994	8.0	Tám	SPMN	
139	152189984	Lê Thị Yến	Nhi	02/08/1995	8.0	Tám	SPMN	
140	141181410	Phạm Hà Yến	Nhi	29/04/1997	2.0	Hai	SPMN	
141	151189953	Phan Thị Yến	Nhi	28/08/1995	5.0	Năm	SPMN	
142	272555834	Lê Thị Ý	Như	20/08/1997	6.0	Sáu	SPMN	
143	141180470	Phạm Thị	Như	07/05/1993	5.0	Năm	SPMN	
144	301555713	Nguyễn Thị Thảo	Nhu	31/08/1996	9.0	Chín	SPMN	
145	321545450	Võ Ngọc Tuyết	Như	22/08/1996	5.5	Năm năm	SPMN	
146	151188863	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	18/09/1996	8.0	Tám	SPMN	
147	25528876	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	24/10/1997	8.0	Tám	SPMN	
148	245273394	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/10/1997	8.0	Tám	SPMN	
149	321545449	Võ Ngọc Tuyết	Nhung	22/08/1996	5.5	Năm năm	SPMN	
150	141180471	Nguyễn Thị	Ninh	21/01/1983	7.0	Bảy	SPMN	

TT	MSHS	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	NGÀNH	GHI CHÚ
151	352129241	Châu Thị Mỹ	Nương	11/10/1993	Vắng		SPMN	Vắng
152	25805067	Nguyễn Thị Thu	Nương	10/06/1997	8.5	Tám năm	SPMN	
153	32170097	Ngô Thị Hoàng	Oanh	25/09/1997	7.0	Bảy	SPMN	
154	261393775	Nguyễn Thị	Oanh	20/08/1997	6.5	Sáu năm	SPMN	
155	241583673	Nguyễn Thị	Oanh	09/08/1996	5.0	Năm	SPMN	
156	25763531	Nguyễn Thị Kim	Oanh	22/05/1997	5.0	Năm	SPMN	
157	261492630	Trương Thị Kiều	Oanh	20/11/1997	5.5	Năm năm	SPMN	
158	153188868	TSần Kim	Phụng	10/12/1995	5.0	Năm	SPMN	
159	261411204	Bùi Thị Ý	Phương	10/12/1997	5.0	Năm	SPMN	
160	251019872	Đinh Thị Cúc	Phương	02/12/1996	3.0	Ba	SPMN	
161	281176192	Lê Thị Thanh	Phương	16/02/1996	3.0	Ba	SPMN	
162	151188854	Nguyễn Thị Kim	Phương	05/04/1996	5.0	Năm	SPMN	
163	969186597	Trần Ngọc Lan	Phương	25/09/1994	5.0	Năm	SPMN	
164	251021397	Lý Thị	Phượng	02/11/1996	3.0	Ba	SPMN	
165	151188844	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	01/02/1987	7.0	Bảy	SPMN	
166	151188862	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	18/12/1983	7.0	Bảy	SPMN	
167	251076208	Nguyễn Thị Bích	Phương	14/04/1996	5.0	Năm	SPMN	
168	24391022	Hồ Thị Kim	Phượng	08/06/1988	7.0	Bảy	SPMN	
169	1511810014	Đoàn Thị Kim	Quyên	22/01/1997	1.0	Một	SPMN	
170	371679133	Nguyễn Thị Hải	Quyên	12/04/1996	3.0	Ba	SPMN	
171	1511810026	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	01/11/1997	8.0	Tám	SPMN	
172	212822219	Nguyễn Thị Hồng	Sen	09/09/1996	7.0	Bảy	SPMN	
173	25354068	Phan Thị Hiệp	Tam	18/10/1995	Vắng		SPMN	Vắng
174	152188843	Đặng Thị Thu	Thắm	10/06/1994	9.5	Chín năm	SPMN	
175	151189957	Võ Thị	Thắm	17/05/1996	7.5	Bảy năm	SPMN	
176	1511810022	Trần Thị	Thanh	06/07/1993	5.0	Năm	SPMN	
177	184176358	Trần Thị	Thao	07/04/1993	5.0	Năm	SPMN	
178	241660453	Đào Thị Thanh	Thảo	24/06/1996	2.0	Hai	SPMN	
179	141180434	Lâm Thị	Thảo	07/07/1993	6.0	Sáu	SPMN	
180	151189972	Lê Thị Thạch	Thảo	24/02/1995	8.0	Tám	SPMN	
181	25636109	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	14/03/1997	5.0	Năm	SPMN	
182	194525213	Phạm Thị Hồng	Thảo	06/08/1993	9.0	Chín	SPMN	
183	212578302	Trần Thị	Thảo	12/04/1997	7.5	Bảy năm	SPMN	
184	172091971	Phạm Thị	Thị	24/05/1985	6.0	Sáu	SPMN	
185	215422841	Trần Thị	Thịnh	02/02/1997	6.0	Sáu	SPMN	
186	121056737	Nguyễn Thị	Thu	17/12/1993	7.5	Bảy năm	SPMN	
187	301595692	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	17/11/1997	5.5	Năm năm	SPMN	
188	215336285	Ngô Thị Kim	Thư	12/05/1996	9.0	Chín	SPMN	
189	151188857	Nguyễn Hồng	Thúy	16/07/1978	7.5	Bảy năm	SPMN	

TT	MSHS	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	NGÀNH	GHI CHÚ
190	312330948	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	17/01/1997	8.0	Tám	SPMN	
191	141190286	Phạm Thị	Thúy	20/09/1997	4.0	Bốn	SPMN	
192	1511810007	Đỗ Thị Bích	Thùy	08/11/1996	5.0	Năm	SPMN	
193	301450093	Nguyễn Huỳnh Thu	Thủy	01/03/1993	6.0	Sáu	SPMN	
194	1521810000	Nguyễn Thùy Thanh	Thủy	30/10/2000	4.5	Bốn năm	SPMN	
195	151189986	Phan Thị	Thủy	02/08/1990	9.0	Chín	SPMN	
196	221269184	Võ Thị Thanh	Thủy	08/04/1990	8.0	Tám	SPMN	
197	245245708	Vũ Thị	Thủy	18/04/1996	9.5	Chín năm	SPMN	
198	141180798	Huỳnh Thái	Thy	05/01/1996	7.0	Bảy	SPMN	
199	212282587	Châu Thị Bích	Trâm	10/10/1997	5.0	Năm	SPMN	
200	1511810000	Kiều Thị Thu	Trang	03/10/1996	5.0	Năm	SPMN	
201	141181081	Lê Nguyên Đoan	Trang	23/04/1998	6.0	Sáu	SPMN	
202	272727632	Lê Thị Thùy	Trang	12/05/1997	7.0	Bảy	SPMN	
203	141180308	Nguyễn Hồ Minh	Trang	19/09/1998	4.5	Bốn năm	SPMN	
204	151189985	Nguyễn Thị	Trang	23/06/1995	9.0	Chín	SPMN	
205	261490163	Nguyễn Thị Kim	Trang	10/08/1996	8.0	Tám	SPMN	
206	251096639	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	17/07/1996	6.5	Sáu năm	SPMN	
207	25636519	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/12/1995	Vắng		SPMN	Vắng
208	321702283	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/07/1997	7.5	Bảy năm	SPMN	
209	285501401	Phạm Thùy	Trang	14/07/1994	2.0	Hai	SPMN	
210	141180295	Huỳnh Thị Tuyết	Trinh	04/07/1976	5.5	Năm năm	SPMN	
211	212480797	Phan Thị Mỹ	Trinh	06/10/1997	5.0	Năm	SPMN	
212	381873555	Tạ Thị Thảo	Trinh	17/09/1996	5.0	Năm	SPMN	
213	212798617	Trần Thị Lệ	Trinh	12/12/1996	8.5	Tám năm	SPMN	
214	151189974	Trương Thị Thanh	Trúc	23/07/1995	5.5	Năm năm	SPMN	
215	341751133	Dương Cẩm	Tú	06/05/1995	7.5	Bảy năm	SPMN	
216	197340264	Nguyễn Thị	Tươi	20/09/1994	9.0	Chín	SPMN	
217	25740593	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	10/06/1997	5.5	Năm năm	SPMN	
218	312028785	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	18/06/1989	Vắng		SPMN	Vắng
219	1511810004	Trần Như Ngọc	Tuyền	01/10/1995	2.5	Hai năm	SPMN	
220	321564527	Võ Thị Bích	Tuyền	18/07/1997	7.5	Bảy năm	SPMN	
221	153199884	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	18/04/1994	Vắng		SPMN	Vắng
222	273578099	Đặng Thị Tổ	Uyên	25/08/1996	3.0	Ba	SPMN	
223	151189973	Đỗ Ngọc	Uyên	24/10/1992	2.5	Hai năm	SPMN	
224	331774592	Nguyễn Kim	Uyên	20/08/1997	5.0	Năm	SPMN	
225	151188856	Trần Thị Thúy	Va	10/09/1995	5.5	Năm năm	SPMN	
226	245030060	Bùi Thị	Vân	07/05/1989	6.5	Sáu năm	SPMN	
227	281164851	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	06/10/1997	6.5	Sáu năm	SPMN	
228	131190831	Nguyễn Thị Tường	Vi	25/09/1984	6.0	Sáu	SPMN	Thi lại

TT	MSHS	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	NGÀNH	GHI CHÚ
229	187680119	Trần Thị	Vi	11/04/1997	9.0	Chín	SPMN	
230	141061263	Diệp Hồng	Vinh	04/04/1996	Vắng		SPMN	Vắng
231	141180305	Hoàng Anh Thúy	Vy	29/06/1997	4.5	Bốn năm	SPMN	
232	25851744	Nguyễn Thanh	Vy	10/10/1997	3.0	Ba	SPMN	
233	151188860	Nguyễn Thị Mỹ	Xuân	30/01/1986	9.0	Chín	SPMN	
234	141180552	Nguyễn Thị Thanh	Ý	26/08/1989	9.0	Chín	SPMN	
235	371737500	Lưu Diệu	Yến	17/09/1994	5.5	Năm năm	SPMN	
236	301472388	Lý Thị Ngọc	Yến	13/01/1993	8.0	Tám	SPMN	
237	151189961	Nguyễn Thị	Yến	17/01/1995	8.0	Tám	SPMN	
238	212718343	Vương Thị Phi	Yến	29/09/1997	3.0	Ba	SPMN	
239	301621982	Hồ Nguyễn Vân	Anh	10/04/1997	5.0	Năm	SPTH	
240	151199875	Nguyễn Thị Thúy	Anh	04/08/1992	9.0	Chín	SPTH	
241	264462162	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	07/09/1995	5.0	Năm	SPTH	
242	264475370	Quảng Nữ Hồng	Đoan	14/04/1997	8.0	Tám	SPTH	
243	212713679	Lê Thị Ngọc	Duyên	09/02/1997	5.0	Năm	SPTH	
244	25778115	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16/05/1997	6.0	Sáu	SPTH	
245	153199882	Nguyễn Đoàn T.Trọng	Hiếu	17/02/1987	7.0	Bảy	SPTH	
246	264405737	Lưu Thị Thúy	Kiều	30/03/1994	9.0	Chín	SPTH	
247	25741798	Lê Trần Mỹ	Lệ	08/10/1996	7.0	Bảy	SPTH	
248	301449764	Nguyễn Văn	Linh	05/05/1993	9.0	Chín	SPTH	
249	25597244	Trần Thị	Linh	28/10/1997	9.0	Chín	SPTH	
250	281162209	Phạm Thành	Lợi	19/03/1996	7.0	Bảy	SPTH	
251	151199874	Vy Ngọc	Luân	20/11/1994	9.0	Chín	SPTH	
252	301679459	Trần Thúy	Nga	19/12/1997	8.0	Tám	SPTH	
253	261496566	Võ Thị Thúy	Nga	28/03/1997	8.0	Tám	SPTH	
254	153199880	Trương Thị Thúy	Ngọc	25/08/1996	9.0	Chín	SPTH	
255	264492992	Ngô Trần Thu	Nguyệt	16/05/1997	7.0	Bảy	SPTH	
256	261530358	Nguyễn Thị Thùy	Nhã	13/12/1997	8.0	Tám	SPTH	
257	184125904	Trần Thị	Nhân	20/12/1994	9.0	Chín	SPTH	
258	321721054	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/10/1997	8.5	Tám năm	SPTH	
259	153199885	Nguyễn Hoàng	Phúc	05/04/1996	7.5	Bảy năm	SPTH	
260	153199879	Nguyễn Hữu	Phước	26/01/1996	8.5	Tám năm	SPTH	
261	272641306	Lê Trần Ngọc	Phương	28/08/1997	8.5	Tám năm	SPTH	
262	141190648	Châu Ngọc	Phượng	03/07/1999	9.0	Chín	SPTH	
263	261378845	Trần Lệ	Quyên	30/08/1996	8.5	Tám năm	SPTH	
264	272641304	Trần Thị Phương	Thảo	01/01/1997	9.0	Chín	SPTH	
265	301588132	Võ Thị Bé	Thi	10/03/1997	9.0	Chín	SPTH	
266	151199877	Võ Thị Kim	Thoa	16/03/1996	9.0	Chín	SPTH	
267	366158162	Lâm Thị Việt	Thư	18/09/1997	7.0	Bảy	SPTH	

TT	MSHS	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	NGÀNH	GHI CHÚ
268	301595633	Nguyễn Thị Tú	Thư	23/05/1997	8.5	Tám năm	SPTH	
269	301567321	Nguyễn Thị Ngọc	Trầm	07/08/1996	7.0	Bảy	SPTH	
270	272520188	Nguyễn Thùy	Trang	22/01/1997	9.0	Chín	SPTH	
271	24947016	Phan Kim	Tuyển	27/06/1993	8.5	Tám năm	SPTH	
272	153199881	Lương Hoàng	Vân	24/11/1987	6.5	Sáu năm	SPTH	
273	261511905	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	02/04/1997	8.0	Tám	SPTH	
274	153199878	Nguyễn Thị Huyền	Viên	03/05/1993	9.0	Chín	SPTH	
275	131081767	Đỗ Văn	Đạt	21/08/1991	5.0	Năm	TH	Thi lại
276	141080238	Nguyễn Đoàn Trung	Hiếu	05/11/1987	Vắng		TH	Vắng
277	131081527	Lê Châu	Long	01/02/1997	5.0	Năm	TH	Thi lại
278	121080115	Nguyễn Hữu	Tuất	25/06/1994	5.5	Năm năm	TH	Thi lại
279	141080479	Nguyễn Văn	Vũ	25/02/1998	5.0	Năm	TH	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

THƯ KÝ HĐ

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. LÊ LỘC ĐÀI TRUNG

VÕ THỊ THÙY DƯƠNG